

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2025/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Thực hiện Thông báo số 1669-TB/TU ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 35/HĐND-KTNS ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 136/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 3 năm 2025, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 437/STP-XDKT&TDTHPL ngày 08 tháng 3 năm 2025 và ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Điều 3a

“Điều 3a. Bồi thường bằng đất ở khi Nhà nước thu hồi đất ở

1. Việc bồi thường bằng đất ở theo quy định tại Điều 98 Luật Đất đai và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP cho hộ gia đình, cá nhân người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sử dụng đất ở, đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở đủ điều kiện được bồi thường về đất được thực hiện theo nguyên tắc tương đương về giá trị quyền sử dụng đất của diện tích đất ở thu hồi với đất ở tại khu tái định cư, khu dân cư hoặc các khu xen cư (sau đây gọi chung là khu tái định cư). Trường hợp sau khi quy đổi về mặt giá trị và đã được bồi thường như đã nêu trên mà số tiền bồi thường về đất ở còn lại không đủ để được bồi thường thêm 01 lô đất tái định cư tiếp theo, nếu số tiền bồi thường còn lại từ 50% trở lên so với giá trị lô đất ở tại khu tái định cư thì cho phép hộ gia đình, cá nhân được nộp phần giá trị tiền chênh lệch để được bồi thường thêm 01 lô đất tái định cư tiếp theo. Tổng số lô bồi thường không vượt quá 03 lô đất theo quy hoạch phân lô chi tiết tại khu tái định cư. Diện tích đất ở thu hồi còn lại được bồi thường bằng tiền.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại của thửa đất sau khi thu hồi nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về diện tích tối thiểu tại khoản 2 Điều 220 của Luật Đất đai mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi, trường hợp địa phương có điều kiện về quỹ đất ở tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, bồi thường 01 lô đất ở với diện tích theo quy hoạch chi tiết phân lô tại khu tái định cư nhưng không vượt quá 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Diện tích đất ở thu hồi còn lại được bồi thường bằng tiền.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở trên 02 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh mà phần diện tích đất ở còn lại sau khi thu hồi bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về diện tích tối thiểu tại khoản 2 Điều 220 của Luật Đất đai, nếu địa phương có điều kiện về quỹ đất ở tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, bồi thường 01 lô đất ở với diện tích theo quy hoạch chi tiết phân lô tại khu tái định cư nhưng không quá 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Diện tích còn lại bồi thường bằng tiền.

4. Người có đất ở thu hồi được bồi thường bằng đất ở theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, nếu có chênh lệch về giá trị tiền sử dụng đất ở bị thu hồi và đất ở tái định cư thì phần chênh lệch đó được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.”

Điều 2. Sửa đổi khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có nhu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Điều 13 quy định này thì được bồi thường bằng giao đất ở, với diện tích theo suất tái định

cu tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 10 quy định này và đảm bảo các điều kiện sau:...”

Điều 3. Sửa đổi khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP:

Hỗ trợ 01 lần tiền mua giống cây trồng, giống vật nuôi theo mật độ gieo trồng hoặc thả nuôi trên diện tích được bồi thường;”

Điều 4. Bổ sung Điều 16a

“Điều 16a. Các khoản hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

a) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ trong thời gian 01 tháng. Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 tháng. Thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ trong 01 tháng theo thời giá do Sở Tài chính thông báo hàng quý để áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh; được chi trả một lần, cùng thời điểm chi trả tiền bồi thường.

b) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì mức hỗ trợ ổn định đời sống bằng 80% mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều này.

c) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì thời gian và mức hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều này.

2. Hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị

định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng 70% giá đất cùng mục đích sử dụng đất trong bảng giá các loại đất quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng diện tích tính hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

3. Hỗ trợ theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất thì đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá các loại đất quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hỗ trợ theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất thì đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ 30% giá đất phi nông nghiệp cùng loại trong bảng giá các loại đất quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ như sau:

a) Phần nhà, công trình xây dựng đúng theo giấy phép được cấp thì được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời 30% giá trị nhà, công trình;

b) Phần nhà, công trình xây dựng không đúng giấy phép thì không hỗ trợ.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 16

“Điều 16. Hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai.

1. Đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị Nhà nước thu hồi đất ở có đất đai, nhà, vật kiến trúc hợp pháp và hộ đang trực tiếp sử dụng, có đăng ký thường trú tại địa phương trước khi cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án mà phải dịch chuyển chỗ ở trên phần đất còn lại hoặc di chuyển hẳn chỗ ở nhưng tổng kinh phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc (không bao gồm chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm) không đủ để xây dựng lại nhà N10, diện tích 40m² theo đơn giá bồi thường hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được hỗ trợ phần chênh lệch đó.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân bị phá dỡ một phần nhà ở, phần nhà ở còn lại vẫn tồn tại trên phần đất không bị thu hồi thì được hỗ trợ để sửa chữa lại phần nhà đã bị phá dỡ 11.700.000 đồng/hộ, cá nhân (đối với nhà N8 trở lên), 7.800.000 đồng/hộ, cá nhân (đối với nhà N10 và nhà sàn đồng bào miền núi) và 4.700.000 đồng/hộ, cá nhân (đối với nhà thuộc dạng khác).

Một ngôi nhà ở có nhiều cấp khác nhau thì chỉ được tính hỗ trợ một mức cao nhất của ngôi nhà bị phá dỡ. Trường hợp một hộ có nhiều ngôi nhà bị phá dỡ một phần thì cũng được tính hỗ trợ để sửa chữa lại phần phá dỡ theo từng ngôi nhà với mức hỗ trợ như quy định trên.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân bị phá dỡ hoàn toàn chỗ ở hoặc bị phá dỡ một phần nhưng phần nhà còn lại không thể tiếp tục sử dụng được mà phải xây dựng mới nhà ở trên phần đất còn lại thì được hỗ trợ dịch chuyển 3.100.000 đồng/hộ, cá nhân.

4. Đối với các kiốt đơn lẻ dùng để buôn bán, sản xuất kinh doanh đơn lẻ mang tính hộ gia đình hoặc dùng để làm các dịch vụ khác (không gắn liền với nhà ở, không thuộc diện xây dựng trái phép trên đất lấn chiếm, xây dựng trên đất nông nghiệp). Khi bị giải tỏa hoàn toàn hoặc một phần nhưng không thể sử dụng phần còn lại để tiếp tục buôn bán, sản xuất kinh doanh thì được hỗ trợ di chuyển 1.600.000 đồng/kiốt.

5. Hộ gia đình phải di chuyển hẳn chỗ ở, dịch chuyển hoàn toàn chỗ ở hoặc những hộ chỉ phá dỡ một phần nhưng phần nhà còn lại không thể sử dụng được phải xây dựng mới nhà ở, mà hộ gia đình thuộc diện gia đình chính sách (có giấy chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) thì được hỗ trợ 01 lần với mức như sau:

a) Người có công với cách mạng (các đối tượng được quy định tại mục 1 đến mục 11 chương II Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ): 5.700.000 đồng/hộ.

b) Hộ gia đình bị thu hồi đất là hộ nghèo tại thời điểm thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở hoặc dịch chuyển chỗ ở hoặc bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ 7.200.000 đồng/hộ.

Việc xác định đối tượng là hộ nghèo được căn cứ theo giấy chứng nhận hộ nghèo đang còn giá trị. Trường hợp đã xét duyệt đủ điều kiện thuộc diện hộ nghèo nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo thì căn cứ theo danh sách xét duyệt hộ nghèo trong năm do cơ quan có thẩm quyền cấp huyện nơi có đất thu hồi cung cấp trên cơ sở đề nghị của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Trường hợp trong một hộ gia đình thuộc diện người có công với cách mạng vừa là hộ nghèo thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

6. Hỗ trợ chi phí di dời và lắp đặt đồng hồ nước, đồng hồ điện và điện thoại cố định, di dời truyền hình cáp, internet cố định.

Đối với hộ gia đình phải di chuyển hẳn chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di dời và chi phí lắp đặt lại; mức giá hỗ trợ theo thông báo của đơn vị cung cấp dịch vụ tại thời điểm thông báo thu hồi đất; trường hợp chỉ dịch chuyển chỗ ở hoặc chỉ giải tỏa một phần phần nhà thì được hỗ trợ 60% mức giá theo thông báo của đơn vị cung cấp dịch vụ tại thời điểm thông báo thu hồi đất.

7. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phải di chuyển hẳn chỗ ở, dịch chuyển hoàn toàn chỗ ở hoặc những hộ chỉ phá dỡ một phần nhưng phần nhà còn lại không thể sử dụng được mà phải xây dựng mới nhà ở (trừ đối tượng thuộc trường hợp quy định tại Điều 14 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND), nếu không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xác nhận trong thời gian chờ xây dựng lại nhà ở hoặc tạo lập chỗ ở mới thì được hỗ trợ tiền thuê nhà như sau:

Đối với các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi, phường Nguyễn Nghiêm thuộc thị xã Đức Phổ, thị trấn thuộc các huyện và huyện Lý Sơn được hỗ trợ 14.000.000 đồng/hộ/6 tháng đối với hộ gia đình có từ năm (05) nhân khẩu trở xuống; còn trường hợp hộ gia đình có từ sáu (06) khẩu trở lên, mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ 1.400.000 đồng/người/6 tháng;

Đối các xã đồng bằng và các phường còn lại thuộc thị xã Đức Phổ được hỗ trợ 12.000.000 đồng/hộ/6 tháng đối với hộ gia đình có từ năm (05) nhân khẩu trở xuống; còn trường hợp hộ gia đình có từ sáu (06) khẩu trở lên, mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ 1.200.000 đồng/người/6 tháng.

Đối với các xã miền núi được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ/6 tháng đối với hộ gia đình có từ năm (05) nhân khẩu trở xuống; còn trường hợp hộ gia đình có từ sáu (06) khẩu trở lên, mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/6 tháng.

8. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở hoặc dịch chuyển chỗ ở trên phần đất còn lại thì được hỗ trợ ổn định đời sống (trừ các trường hợp đã được hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất nông nghiệp) trong thời gian sáu (06) tháng nếu hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở hoặc dịch chuyển chỗ ở trên phần đất còn lại và trong thời gian ba (03) tháng nếu hộ gia đình có nhà ở chính bị cất xén; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ 12 tháng. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ trong 01 tháng theo thời giá do Sở Tài chính thông báo hàng quý để áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh; được chi trả một lần, cùng thời điểm chi trả tiền bồi thường.

9. Hộ gia đình làm nhà trên đất ở hợp pháp của người khác trước ngày 01/7/2014 do bức xúc về chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển hoặc dịch chuyển chỗ ở được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận làm nhà trước ngày 01/7/2014 và không có đất ở, nhà ở nào khác thì được hỗ trợ chi phí di chuyển bằng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND và hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều này.

Trường hợp hộ gia đình làm nhà trên đất ở hợp pháp của người khác sau ngày 01/7/2014 mà không được cấp có thẩm quyền cho phép thì không được xem xét hỗ trợ chi phí di chuyển, ổn định đời sống và tiền thuê nhà.

10. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 137 Luật Đất đai mà trên giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 141 Luật Đất đai thì ngoài diện tích đất ở được bồi thường theo quy định còn được tính hỗ trợ thêm như đất ở (bằng tiền) không quá bằng ba (03) lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không vượt quá diện tích đất bị thu hồi.

Trường hợp thửa đất ở có vườn, ao hình thành trước ngày 18/12/1980 và có nhà ở nhưng người sử dụng đất không có giấy tờ hợp pháp chứng minh (*không đủ điều kiện xác định lại là đất ở*). Nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất làm đất ở trước ngày 18/12/1980, sử dụng ổn định, không tranh chấp thì ngoài diện tích đất ở được bồi thường theo quy định còn được tính hỗ trợ thêm như đất ở (bằng tiền) bằng ba (03) lần hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không vượt quá diện tích đất bị thu hồi.

Giá đất ở hỗ trợ là giá đất của thửa đất đó trong bảng giá các loại đất quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Phần diện tích còn lại không được hỗ trợ như đất ở được bồi thường, hỗ trợ theo đất nông nghiệp.

11. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp có nguồn gốc là đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở có nhà ở nhưng không đủ điều kiện xác định lại đất ở (*không thuộc trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này*) thì ngoài việc được bồi thường theo quy định còn được hỗ trợ 50% giá đất ở của thửa đất đó trong bảng giá các loại đất quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; diện tích hỗ trợ bằng 03 lần hạn mức giao đất ở nhưng không vượt quá diện tích đất bị thu hồi; nếu tổng mức hỗ trợ về đất mà thấp hơn tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND thì mức được lựa chọn hỗ trợ theo Điều 13 Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND.

12. Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng trên đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở mà không đủ điều kiện bồi thường đất ở thì được hỗ trợ như sau:

Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng trước ngày 01/7/2004 thì được hỗ trợ 100% giá trị nhà, công trình theo quy định;

Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 thì được hỗ trợ 60% giá trị nhà, công trình theo quy định;

Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng kể từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày 01/8/2024 thì được hỗ trợ 30% giá trị nhà, công trình theo quy định;

Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng kể từ ngày 01/8/2024 trở về sau thì không được hỗ trợ.

13. Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng trên đất nông nghiệp không phải là đất lúa thì được hỗ trợ như sau:

Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng trước ngày 01/7/2004 thì được hỗ trợ 70% giá trị nhà, công trình theo quy định;

Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 thì được hỗ trợ 40% giá trị nhà, công trình theo quy định;

Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng kể từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày 01/8/2024 thì được hỗ trợ 20% giá trị nhà, công trình theo quy định;

Nhà, công trình phục vụ đời sống và các công trình khác xây dựng kể từ ngày 01/8/2024 trở về sau thì không được hỗ trợ.

14. Nhà, công trình phục vụ sản xuất xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường theo Điều 105 Luật Đất đai thì được hỗ trợ như sau:

a) Nhà, công trình phục vụ sản xuất xây dựng trước ngày 01/7/2004 thì được hỗ trợ như sau:

Nhà được hỗ trợ không quá 60% giá trị nhà theo diện tích thực tế.

Công trình được hỗ trợ không quá 50% giá trị công trình theo quy định.

b) Nhà, công trình phục vụ sản xuất xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 thì được hỗ trợ như sau:

Nhà được hỗ trợ không quá 40% giá trị nhà theo diện tích thực tế.

Công trình được hỗ trợ không quá 20% giá trị công trình theo quy định.

c) Nhà, công trình phục vụ sản xuất xây dựng kể từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày 01/8/2024 thì được hỗ trợ không quá 20% giá trị nhà, công trình theo quy định;

d) Nhà, công trình phục vụ sản xuất xây dựng kể từ ngày 01/8/2024 trở về sau thì thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

15. Đối với cây trồng trên đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định thì được hỗ trợ như sau:

a) Cây trồng trước khi cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án thì được hỗ trợ không quá 30% giá trị cây trồng.

b) Cây trồng sau khi cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án thì không được hỗ trợ.

16. Ngoài các khoản hỗ trợ quy định tại Điều này, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người dân có đất thu hồi và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) xem xét, quyết

định. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm đối với từng trường hợp đề xuất.”

Điều 6. Đối với các dự án có tính chất đặc thù riêng cần có chính sách hỗ trợ cụ thể cho từng dự án thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm xem xét đề xuất các khoản hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, quyết định theo từng dự án cụ thể mà không áp dụng các khoản hỗ trợ được quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2025. Những nội dung khác của Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh không sửa đổi tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các Phòng n/c;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.233

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền

